

Số: /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình
Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.26 và hệ thống thoát nước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1900/QĐ-UBND ngày 20/11/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.26 và hệ thống thoát nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 71/TTr-SGTVT ngày 29/5/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.26 và hệ thống thoát nước, với những nội dung như sau:

- Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.26 và hệ thống thoát nước.
- Người quyết định đầu tư: UBND tỉnh Lạng Sơn.

3. Chủ đầu tư: UBND huyện Cao Lộc.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng

4.1. Mục tiêu đầu tư:

Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH.26 nhằm khắc phục tình trạng xuống cấp của tuyến đường, tạo điều kiện phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội cho Nhân dân xã Thụy Hùng nói riêng và huyện Cao Lộc nói chung.

4.2. Quy mô, giải pháp đầu tư xây dựng:

4.2.1. Phạm vi, Quy mô:

a) Phạm vi dự án:

- Điểm đầu tại Km0+00/ĐH.26.
- Điểm cuối tại Km2+096/ĐH.26.
- Tổng chiều dài tuyến 2.096 m.

b) Quy mô:

- Giữ nguyên quy mô hiện trạng đường cấp V miền núi với nền đường rộng 6,5m, mặt đường rộng 3,5m; tiến hành sửa chữa hư hỏng cục bộ mặt đường, cạp mở rộng mặt đường đạt bề rộng trung bình 5,5m, sau đó thảm mới bằng bê tông nhựa. Cường độ mặt đường Eyc = 80Mpa.

- Công trình thoát nước: tận dụng hệ thống công trình thoát nước cũ trên tuyến đã có là chủ yếu. Bổ sung một số hạng mục thoát nước mới để đảm bảo đồng bộ, khớp nối với hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Công trình phòng hộ, an toàn giao thông: điều chỉnh thay thế cột Km, cột H phù hợp với Quy chuẩn QCVN 41:2019/BGTVT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ”. Sửa chữa, bổ sung các cọc tiêu, hộ lan cứng. Sửa chữa, thay thế, bổ sung biển báo bị hư hỏng.

4.2.2. Giải pháp thiết kế các hạng mục chủ yếu: thiết kế chủ yếu bám theo đường cũ, điểm đầu và cuối tuyến được nối tiếp vào đường cũ để đảm bảo sự thông suốt và khả năng khai thác của tuyến đường.

a) Nền, mặt đường: trên cơ sở nền đường cũ 6,5m, mặt đường rộng 3,5m, tiến hành gia cố lề đường rộng 2x1m, lề đất 2x0,5m. Kết cấu áo đường cải tạo, nâng cấp từ trên xuống dưới được chia làm 04 loại, cụ thể như sau:

* Kết cấu tăng cường trên mặt đường cũ láng nhựa (KC-1a)

- Lớp bê tông nhựa chặt C12.5 dày trung bình 7,5cm (lớp mặt đường dày 5cm + lớp bù vênh bằng bê tông nhựa C12.5 dày trung bình 2,5cm thi công đồng thời cùng lớp mặt đường).

- Lớp tưới dính bám bằng nhựa nhũ tương CSS-I, tiêu chuẩn nhựa 0,5Kg/m².

- Khắc phục các vị trí ổ gà lún lõm sâu bằng cấp phối đá dăm loại 1.

- Tổng diện tích mặt đường theo KC-1a: 5.603,76m².

* Kết cấu cạp mở rộng trên đoạn đường cũ láng nhựa (KC-1b)

- Lớp bê tông nhựa chặt C12.5 dày 5cm.
- Lớp tưới thấm bám bằng nhựa nhũ tương CSS-I, tiêu chuẩn nhựa 1,0Kg/m².
- Lớp móng trên bằng cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm.
- Lớp móng dưới bằng cấp phối đá dăm loại 2 dày 15cm.
- Tổng diện tích mặt đường theo KC-1b: 2.923,66m².

* Kết cấu tăng cường trên mặt đường cũ bê tông xi măng (KC-2a)

- Lớp bê tông nhựa chặt C12.5 dày trung bình 7cm (lớp mặt đường dày 5cm + lớp bù vênh bằng bê tông nhựa chặt C12.5 dày trung bình 2cm thi công đồng thời cùng lớp mặt đường).

- Lớp tưới dính bám bằng nhựa nhũ tương CSS-I, tiêu chuẩn nhựa 0,5Kg/m².

- Lưới cốt sợi thủy tinh FG50 (thi công tại các vị trí khe co, giãn).

- Lớp mặt đường cũ bê tông xi măng

- Tổng diện tích mặt đường theo KC-2a: 2.231,42m².

* Kết cấu cạp mở rộng trên đoạn đường cũ bê tông xi măng (KC-2b)

- Lớp bê tông nhựa chặt C12.5 dày 5cm.

- Lớp tưới dính bám bằng nhựa nhũ tương CSS-I, tiêu chuẩn nhựa 0,5Kg/m².

- Lớp lưới cốt sợi thủy tinh FG50 (thi công tại các vị trí tiếp giáp giữa lớp mặt đường cũ bê tông xi măng và lớp móng cạp mở rộng bằng bê tông xi măng).

- Lớp móng trên bằng bê tông xi măng M300 đá 2x4, dày 20cm.

- Lớp móng dưới bằng cấp phối đá dăm loại 2 dày 15cm.

- Tổng diện tích mặt đường theo KC-2b: 917,41m².

b) Công trình thoát nước

* Rãnh dọc

- Các đoạn rãnh xây đá hộc tận dụng thấp hơn cao độ hoàn thiện mặt đường tiến hành đổ bê tông nâng cao thành rãnh M200, đá 1x2.

- Xây dựng rãnh dọc thoát nước tại các đoạn thường xuyên đọng nước và các đoạn đi qua khu đông dân cư với 02 loại kết cấu chủ yếu như sau:

+ Rãnh bê tông xi măng hình thang: bề rộng rãnh 1,0m, bề rộng lòng rãnh 0,4m, chiều sâu rãnh 0,4m. Bê tông rãnh M200, đá 1x2 dày 07cm đổ tại chỗ.

+ Rãnh bê tông xi măng chữ nhật: thành rãnh bằng bê tông xi măng M200 dày 12-20cm, móng rãnh bằng bê tông xi măng M200, dày 20cm trên lớp đá dăm đệm 2x4 dày 10cm.

Tổng chiều dài rãnh gia cố hình thang 389m; rãnh chữ nhật 59,79m; tổng số tấm đập rãnh loại T1 dày 10cm 73 tấm; tổng số tấm đập rãnh loại T2 và T3 dày 15cm 60 tấm.

* Công thoát nước ngang: tận dụng các vị trí công thoát nước ngang hiện có, nâng cao đầu công đối với các vị trí đắp bù lè, nối công tại các vị trí không đủ nền đường. Tổng số vị trí tận dụng, nâng cao đầu công 04 vị trí; 01 vị trí tận dụng và tiến hành nối công.

c) Công trình phòng hộ và an toàn giao thông

* Công trình phòng hộ: thiết kế xây dựng 04 vị trí kè ta luy dương với tổng chiều dài 63,2m; 03 vị trí chân khay với tổng chiều dài 30m; 02 vị trí kè ta luy âm với tổng chiều dài 23m để đảm bảo ổn định nền, mặt đường.

* Công trình an toàn giao thông: tận dụng và sơn lại 01 vị trí cột Km; trồng lại hệ thống cọc H trên tuyến với tổng số 18 cọc; trồng mới 02 biển báo loại W.225a; 02 biển báo loại W.225b; sơn vạch tim đường bằng sơn dẻo nhiệt phản quang với tổng diện tích 102,19m².

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, tổ chức tư vấn khảo sát xây dựng: Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Thành An Lạng Sơn.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:

- Địa điểm: xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc.

- Diện tích sử dụng đất trong phạm vi đường cũ và phạm vi đất dành cho đường bộ, không chiếm dụng diện tích mới.

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính:

- Dự án nhóm C;

- Loại, cấp công trình: Dự án sửa chữa công trình đường bộ (nền, mặt đường, hệ thống thoát nước).

- Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính: theo tiêu chuẩn thiết kế được áp dụng.

8. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: theo phụ lục chi tiết kèm theo Quyết định này.

9. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 5.731.347.000 đồng, trong đó:

- Chi phí xây dựng: 4.813.067.075 đồng;

- Chi phí quản lý dự án: 107.812.702 đồng;

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 484.591.002 đồng;

- Chi phí khác: 43.994.375 đồng;

- Chi phí dự phòng: 281.882.000 đồng.

10. Tiến độ thực hiện dự án: năm 2023 - 2025.

11. Nguồn vốn đầu tư: nguồn vốn đầu tư công ngân sách tỉnh.

12. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Lạng Sơn, Chủ tịch UBND huyện Cao Lộc và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh, Phòng TH,
Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT_(CVĐ).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lương Trọng Quỳnh

PHỤ LỤC

Quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng đối với dự án Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.26 và hệ thống thoát nước

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho công tác khảo sát, thiết kế

TT	Tên Quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã hiệu
1	Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát	TCCS 31 : 2020 / TCĐBVN
2	Tiêu chuẩn kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình	TCVN 9401 : 2012
3	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung	TCVN 9398 : 2012
4	Quy chuẩn kỹ thuật về xây dựng lưới độ cao	QCVN 11:2008/BTNMT
5	Đất xây dựng - Phương pháp thí nghiệm hiện trường và thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351 : 2012
6	Đất xây dựng - Thí nghiệm cắt cánh hiện trường cho đất dính	TCVN 10184: 2021
7	Thí nghiệm xác định khối lượng riêng	TCVN 4195 : 2012
8	Thí nghiệm xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196 : 2012
9	Thí nghiệm xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197 : 2012
10	Thí nghiệm xác định thành phần hạt	TCVN 4198 : 2014
11	Thí nghiệm xác định tính chống cắt bằng máy cắt phẳng	TCVN 4199 : 1995
12	Thí nghiệm xác định tính nén lún	TCVN 4200 : 2012
13	Đất xây dựng - Các phương pháp xác định khối lượng thể tích trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202 : 2012
14	Thí nghiệm xác định sức kháng cắt không có kết - không thoát nước và có kết - thoát nước của đất dính trên thiết bị nén 3 trục	TCVN 8868 : 2011
15	Thí nghiệm nén 1 trục nở hông cho đất dính (qu)	ASTM D2166
16	Đá xây dựng - Phương pháp xác định độ bền nén 1 trục trong phòng thí nghiệm	TCVN 10324 : 2014
17	Công trình xây dựng - Phân cấp đá trong thi công	TCVN 11676 : 2016
18	Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế	TCVN 4054 : 2005

TT	Tên Quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã hiệu
19	Công trình phòng chống đất sụt trên đường ô tô - Yêu cầu khảo sát và thiết kế	TCVN 13346 : 2021
20	Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối	TCCS 39 : 2022 / TCĐBVN
21	Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế	TCCS 38 : 2022 / TCĐBVN
22	Công trình phòng chống đất sụt trên đường ô tô - Yêu cầu khảo sát và thiết kế	TCVN 13346 : 2021
23	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN 41 : 2019 / BGTVT
24	Màng phản quang dùng cho báo hiệu đường bộ	TCVN 7887 : 2018
25	Sơn tín hiệu giao thông - Vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo - Yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, thi công và nghiệm thu	TCVN 8791 : 2018
26	Tải trọng và tác động	TCVN 2737 : 2023
27	Trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ - Đèn cảnh báo an toàn	TCVN 12680 : 2019

2. Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng thi công và nghiệm thu

TT	Tên tiêu chuẩn, quy chuẩn	Mã hiệu
1	Công tác đất - Thi công và nghiệm thu	TCVN 4447 : 2012
2	Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9436 : 2012
3	Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - thi công và nghiệm thu	TCVN 13567 : 2022
4	Hỗn hợp bê tông nhựa nóng - Thiết kế theo phương pháp Marshall	TCVN 8820:2011
5	Nhũ tương nhựa đường axit - Phương pháp thử	TCVN 8817-1:2011 ÷ TCVN 8817-15:2011
6	Phương pháp xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821 : 2011
7	Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - Thi công và nghiệm thu	TCVN 8859 : 2023
8	Thi công và nghiệm thu mặt đường BTXM trong xây dựng công trình giao thông	TCCS 40 : 2022 / TCĐBVN
9	Bê tông, yêu cầu bảo dưỡng ẩm tự nhiên	TCVN 8828 : 2011

TT	Tên tiêu chuẩn, quy chuẩn	Mã hiệu
10	Sơn tín hiệu giao thông - Sơn vạch đường hệ dung môi và hệ nước-Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 8788 : 2011
11	Sơn và lớp phủ bảo vệ kim loại	TCVN 8785 : 2011
12	Mặt đường ô tô - Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866 : 2011
13	Mặt đường ô tô - Phương pháp đo và đánh giá xác định bằng phẳng theo chỉ số độ gồ ghề quốc tế IRI	TCVN 8865 : 2011
14	Mặt đường ô tô xác định bằng phẳng bằng thước dài 3m	TCVN 8864 : 2011
15	Quy trình thí nghiệm xác định cường độ kéo khi ép chế của vật liệu hạt liên kết bằng các chất kết dính	TCVN 8862 : 2011
16	Công tác nền móng - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9361 : 2012
17	Quy trình đo áp lực nước lỗ rỗng trong đất	TCVN 8869 : 2011
18	Đất xây dựng - Các phương pháp xác định tính chất cơ lý của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 4195÷4200:2012
19	Đất xây dựng - Phương pháp xác định mô đun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012
20	Bitum - yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thí nghiệm	TCVN 7493 : 2005 ÷ TCVN 7504 : 2005
21	Bê tông nhựa - Phương pháp thử	TCVN 8860 : 2011
22	Nhựa đường phân cấp theo đặc tính làm việc - Phương pháp xác định, kiểm tra cấp nhựa đường	TCVN 13356 : 2021
23	Nhũ tương nhựa đường axit thắm bám - yêu cầu kỹ thuật, thi công và nghiệm thu	TCCS 27:2019/TCĐBVN
24	Bê tông nhựa - Xác định khả năng kháng ẩm của mẫu đã đầm chặt	TCVN 12914 : 2020
25	Nhựa đường phân cấp theo đặc tính làm việc - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 13049 : 2020
26	Nhựa đường lỏng	TCVN 8818 : 2011
27	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 7570 : 2006
28	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Phương pháp thử	TCVN 7572 : 2006
29	Nước trộn bê tông và - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 4506 : 2012
30	Vữa xây dựng - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 4314 : 2022
31	Vữa xây dựng - Phương pháp thử	TCVN 3121 : 2022
32	Công trình BTCT toàn khối xây dựng bằng cốt pha trượt - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9342 : 2012
33	Bê tông cốt thép - Phương pháp điện thế kiểm tra khả năng cốt thép bị ăn mòn	TCVN 9348 : 2012

TT	Tên tiêu chuẩn, quy chuẩn	Mã hiệu
34	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Hướng dẫn kỹ thuật phòng chống nứt dưới tác động của không khí nóng ẩm	TCVN 9345 : 2012
35	Xi măng pooc lăng	TCVN 2682 : 2020
36	Xi măng pooc lăng hỗn hợp	TCVN 6260 : 2020
37	An toàn trong thi công xây dựng	QCVN 18:2021/BXD
38	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn điện	QCVN 01 : 2020/BCT

Ghi chú: Một số tiêu chuẩn theo phạm vi áp dụng được dùng chung cho cả giai đoạn khảo sát, thiết kế, thi công và nghiệm thu.